TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Việt.

Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 11 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị C trình bày: Chị và anh Lê Văn H chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An vào năm 2013. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau, anh H không quan tâm vợ con, không có

trách nhiệm. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình C vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh H có hai con chung tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 28/12/2013 và Lê Mỹ Thiên K, sinh ngày 17/7/2015 (hiện nay chị đang nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung mỗi tháng 700.000 đồng. Tại phiên tòa, chị C xác định không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt nhưng tại Bản tự khai ngày 28/3/2019 anh H trình bày: Chị C xin ly hôn, anh đồng ý vì thời gian ly thân đã lâu.

Về con chung: Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị C tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Phúc Đ, sinh ngày 28/12/2013 và Lê Mỹ Thiên K, sinh ngày 17/7/2015 (đang sống với chị C), anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu được tới lui, thăm nom, chăm sóc con chung; chị C và gia đình bên chị C không được ngăn cản; trong trường hợp gây khó khăn cho anh trong việc thăm con, anh sẽ khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H thống nhất trình bày không có.

Sau khi thụ lý vụ án, chị Cao Thị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Văn H, anh H có bản tự khai phản hồi ý kiến nhưng vắng mặt tại phiên tòa dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Cao Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H, anh H hiện có hộ khẩu thường trú và đang có mặt tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị C và anh Lê Văn H chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị C và anh H phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay thấy tình C vợ chồng không còn nên chị C yêu cầu ly hôn. Tại bản tự khai anh H cũng đồng ý ly hôn vì tình C vợ chồng không thể hàn gắn được nữa.

Xét thấy, chị C và anh H đều trình bày tình C vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn nhưng Tòa án không tiến hành hòa giải được do chị C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: Chị C và anh H thống nhất có hai con chung tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 28/12/2013 và Lê Mỹ Thiên K, sinh ngày 17/7/2015. Tại phiên tòa, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Anh H có lời trình bày đồng ý để chị C tiếp tục nuôi 02 con chung.

Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung của chị C và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị C trình bày không có, tại bản tự khai anh H cũng trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Cao Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị C đối với anh Lê Văn H về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị C được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Chị Cao Thị C được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 28/12/2013 và Lê Mỹ Thiên K, sinh ngày 17/7/2015. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Cao Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004122 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh